

Quảng Ninh., ngày 16 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán Ngân sách Nhà nước năm 2022
và dự toán Ngân sách năm 2023 của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng.**

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính.

Căn cứ quyết định số 1017/QĐ-BXD ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-BXD, ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc giao dự toán thu NSNN năm 2023 đợt 1; Quyết định số 311/QĐ-BXD ngày 30/3/2023 về việc giao dự toán chi NSNN năm 2023 đợt 2; Quyết định 610/QĐ-BXD ngày 13/6/2023 về việc giao dự toán chi NSNN năm 2023 đợt 4; Quyết định 1097/QĐ-BXD ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc điều chỉnh và giao dự toán NSNN năm 2023 từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề. Thông báo của Vụ Kế hoạch tài chính, Bộ Xây dựng ngày 6 tháng 11 năm 2023 về phê duyệt quyết toán Ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính-Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 và dự toán ngân sách năm 2023 của Trường Cao đẳng nghề Xây dựng.

(Chi tiết theo các phụ lục 02, phụ lục 04 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính Kế toán và các Phòng, Ban liên quan trong Trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu TH,KTTC

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XD



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hoài

Biểu số 04

Ban hành kèm theo TT 61/2017/TT-BTC
ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài Chính

Đơn vị: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG**

Chương: 019

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 138/QĐ- CDN ngày 16/11/2023 của Trường CDN Xây dựng

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Chi NVCM, khác	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu					
I	Số thu trong năm	3.113	3.113			
1	Thu học phí	166	166			
2	Thu hoạt động sự nghiệp	666	666			
3	Thu hoạt động sản xuất kinh doanh đơn vị trực	2.281	2.281			
B	Chi từ nguồn thu được để lại		0			
1	Chi sự nghiệp và SXKD	2.796	2.796			
1	Chi từ nguồn học phí	166	166			
2	Chi từ hoạt động sự nghiệp	364	364			
3	Chi hoạt động sản xuất kinh doanh đơn vị trực	2.266	2.266			
C	Số nộp ngân sách nhà nước	270	270			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước					
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.422	13.422			
1	Chi quản lý hành chính	0	0			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		0			
2	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	0	0			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13.422	13.422	7.014	6.088	320
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.250	8.250	5.921	2.329	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.172	5.172	1.093	3.759	320
B						
C						

Biểu số 02

Ban hành kèm theo TT 61/2017/TT-BTC

Ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính

Đơn vị: TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ XÂY DỰNG

Chương: 019

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1958/CDN, ngày 16/11/2023 của Trường CĐNXD)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	0
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.685
1	Chi quản lý hành chính	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	17.685
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.250
	+ Kinh phí hoạt động bộ máy	8.250
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.435
	+ KP miễn giảm học phí theo NĐ86	8.566
	+ KP hỗ trợ học sinh theo QĐ 53	541
	+ KP thực hiện chính sách tinh giản biên chế	328